

Số: /SNV-TCBM

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2019

V/v lấy ý kiến góp ý dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Thôn và Tổ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019;

Sở Nội vụ xây dựng dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thôn, Khu phố.

Để đảm bảo cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành; Sở Nội vụ đề nghị quý cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia góp ý đối với dự thảo nêu trên ((trong đó phụ lục đối chiếu 02 Quyết định và dự thảo Quyết định mới được đăng tải trên Trang tin điện tử Sở Nội vụ; đồng thời được gửi qua Văn phòng điện tử của quý cơ quan, đơn vị, địa phương); gửi về Sở Nội vụ **trước ngày 15/02/2019**. Nếu sau thời hạn nêu trên, Sở Nội vụ không nhận được ý kiến góp ý thì xin được hiểu là quý cơ quan, đơn vị, địa phương thống nhất theo dự thảo.

Ngoài ra, Sở Nội vụ đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp đăng tải dự thảo lên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh để triển khai lấy ý kiến Nhân dân theo đúng quy định.

Đề nghị quý cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm, phối hợp thực hiện.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Trang tin Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, TCBM.

**GIÁM ĐỐC**

**Châu Thị Thanh Hà**

**PHỤ LỤC**

**Bảng tổng hợp nội dung Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND và dự thảo Quyết định thay thế**  
*(Kèm theo Công văn số ...../SNV-TCBM ngày ...tháng 01 năm 2019 của Sở Nội vụ)*

STT	Nội dung tại Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh)	Quyết định mới của Ủy ban nhân dân tỉnh (thay thế quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh)	Ghi chú
1	<b>Điều 1. Thôn, khu phố</b> 1. Quy định thống nhất tên gọi Thôn, Khu phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận: dưới xã gọi là thôn; dưới phường, thị trấn gọi là khu phố. 2. Thôn, khu phố không phải là một cấp Hành chính mà là một tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ một cách trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.	<b>Điều 1. Thôn, khu phố</b> 1. Quy định thống nhất tên gọi Thôn, Khu phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận: dưới xã gọi là thôn; dưới phường, thị trấn gọi là khu phố. 2. Thôn, khu phố không phải là một cấp Hành chính mà là một tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ một cách trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.	Cơ bản giữ nguyên nội dung
2	<b>Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố</b> 1. Thôn, khu phố chịu sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã. Hoạt động của thôn, khu phố phải tuân thủ pháp luật, dân chủ, công khai minh bạch; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền cấp xã và sự hướng dẫn, triển khai công tác của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị- xã hội cấp xã.	<b>Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố</b> 1. Bảo đảm tính tự quản của cộng đồng dân cư, chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã và sự lãnh đạo của cấp ủy đảng. 2. Tuân thủ pháp luật, thực hiện theo hương ước (quy ước); đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch. 3. Không chia tách các thôn, tổ dân phố đang hoạt động ổn	Sửa đổi cho phù hợp với Thông tư số 14/2018/TT-BNV

STT	Nội dung tại Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh	Quyết định mới của Ủy ban nhân dân tỉnh (thay thế quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh)	Ghi chú
	<p>2. Không chia tách các thôn, khu phố đang hoạt động ổn định để thành lập thôn mới, khu phố mới.</p> <p>3. Khuyến khích việc sáp nhập thôn, khu phố để thành lập thôn mới, khu phố mới nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã và nâng cao hiệu quả đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội của thôn, khu phố.</p> <p>4. Các thôn, khu phố nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch dân dân, tái định cư hoặc điều chỉnh địa giới hành chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc do việc di dân đã hình thành các cụm dân cư mới ở vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa, nơi có địa hình chia cắt, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn, đòi hỏi phải thành lập thôn mới, khu phố mới thì điều kiện thành lập thôn mới, khu phố mới có thể thấp hơn các quy định tại Điều 5 Quy chế này.</p> <p>5. Trường hợp không thành lập thôn mới, khu phố mới theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì ghép các cụm dân cư hình thành mới vào thôn, khu phố hiện có cho phù hợp, đảm bảo thuận lợi trong công tác quản lý của Chính quyền cấp xã và các hoạt động của thôn, khu phố.</p>	<p>định; thực hiện sáp nhập các thôn, khu phố phù hợp với điều kiện, đặc điểm từng địa phương.</p> <p>4. Trường hợp do quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, do di dân ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa hoặc nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì điều kiện thành lập thôn, khu phố mới có thể thấp hơn quy định. Trong trường hợp cộng đồng dân cư mới hình thành không đủ điều kiện thành lập thôn mới, khu phố mới thì ghép vào thôn, khu phố liền kề.</p>	
3	<p><b>Điều 3. Tổ chức của thôn, khu phố</b></p> <p>1. Mỗi thôn, khu phố có các chức danh được quy định tại Điểm b, Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với những người hoạt động không chuyên trách ở các xã, phường, thị trấn và thôn-khu phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.</p> <p>2. Thôn, khu phố có các cụm dân cư, các tổ chức tự quản theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>Điều 3. Tổ chức của thôn, khu phố</b></p> <p>1. Mỗi thôn, khu phố có các chức danh được quy định tại Điểm b, Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với những người hoạt động không chuyên trách ở các xã, phường, thị trấn và thôn-khu phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.</p> <p>2. Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố do Trưởng thôn, Trưởng khu phố lựa chọn sau khi thống nhất với Trưởng</p>	Sửa đổi cho phù hợp với Thông tư số 14/2018/TT-BNV

STT	Nội dung tại Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh	Quyết định mới của Ủy ban nhân dân tỉnh (thay thế quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh)	Ghi chú
		Ban công tác mặt trận thôn, khu phố; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố”. 3. Thôn, khu phố có các cụm dân cư, các tổ chức tự quản theo quy định của pháp luật.	
4	<b>Điều 4. Nội dung hoạt động và hội nghị của thôn, khu phố</b> 1. Những nội dung hoạt động của thôn, khu phố được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 09/2017/TT-BNV ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. 2. Những nội dung hội nghị của thôn, khu phố được thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.	<b>Điều 4. Nội dung hoạt động và hội nghị của thôn, khu phố</b> 1. Những nội dung hoạt động của thôn, khu phố được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ. 2. Những nội dung hội nghị của thôn, khu phố được thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ.	Sửa đổi cho phù hợp với Thông tư số 14/2018/TT-BNV
5	<b>Điều 5. Điều kiện thành lập thôn mới, khu phố mới; nhập, giải thể và phân loại thôn, khu phố</b> 1. Việc thành lập thôn mới, khu phố mới thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 09/2017/TT-BNV ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. 2. Việc nhập, giải thể thôn, khu phố được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 09/2017/TT-BNV ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. 3. Việc phân loại thôn, khu phố được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định tiêu chí phân loại thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.	<b>Điều 5. Điều kiện thành lập thôn mới, khu phố mới</b> 1. Việc thành lập thôn mới, khu phố mới thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ.	Tách Điều 5 tại quyết định số 31/2018/QĐ-UBND thành 02 Điều tại dự thảo Quyết định mới để phù hợp với Thông tư số 14/2018/TT-BNV
6	Gộp chung tại Điều 5	<b>Điều 6. Điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên, phân loại thôn, khu phố</b>	Bổ sung cho phù hợp với Thông tư

STT	Nội dung tại Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh	Quyết định mới của Ủy ban nhân dân tỉnh (thay thế quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh)	Ghi chú
		<p>1. Việc sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, khu phố thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ.</p> <p>2. Việc phân loại thôn, khu phố được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định tiêu chí phân loại thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận</p>	số 14/2018/TT-BNV
7	<p><b>Điều 6. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới</b></p> <p>1. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương thành lập thôn mới, khu phố mới; Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, khu phố mới.</p> <p>Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:</p> <p>a) Sự cần thiết phải thành lập thôn mới, khu phố mới.</p> <p>b) Tên gọi của thôn mới, khu phố mới.</p> <p>c) Vị trí địa lý, ranh giới của thôn mới, khu phố mới (bản đồ thể hiện vị trí địa lý; tỷ lệ 1/500).</p> <p>d) Dân số (số hộ, số nhân khẩu) của thôn mới, khu phố mới.</p> <p>đ) Diện tích tự nhiên của thôn mới, khu phố mới (đối với thôn phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất), đơn vị tính là hecta.</p> <p>e) Các điều kiện khác được quy định tại Điều 5 Quy chế này;</p> <p>g) Đề xuất, Kiến nghị.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, khu phố mới về Đề án thành lập thôn mới, khu phố mới; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý</p>	<p><b>Điều 7. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới</b></p> <p>1. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương thành lập thôn mới, khu phố mới; Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, khu phố mới.</p> <p>Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:</p> <p>a) Sự cần thiết phải thành lập thôn mới, khu phố mới.</p> <p>b) Tên gọi của thôn mới, khu phố mới.</p> <p>c) Dân số (số hộ, số nhân khẩu) của thôn mới, khu phố mới.</p> <p>d) Các điều kiện khác được quy định tại Điều 5 Quy chế này;</p> <p>đ) Đề xuất, kiến nghị.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, khu phố mới về Đề án thành lập thôn mới, khu phố mới; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.</p> <p>3. Đề án thành lập thôn mới, khu phố mới nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, khu phố mới tán thành thì Ủy ban nhân</p>	Sửa đổi cho phù hợp với Thông tư số 14/2018/TT-BNV

STT	Nội dung tại Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh	Quyết định mới của Ủy ban nhân dân tỉnh (thay thế quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh)	Ghi chú
	<p>kiến về Đề án.</p> <p>3. Đề án thành lập thôn mới, khu phố mới nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, khu phố mới tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p> <p>4. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có tờ trình (kèm theo hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p> <p>5. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:</p> <p>a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện (kèm theo tờ trình và hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã);</p> <p>b) Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.</p> <p>6. Căn cứ vào hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất xem xét ban hành Nghị quyết thành lập thôn mới, khu phố mới. Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập thôn mới, khu phố mới.</p>	<p>dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p> <p>4. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có tờ trình (kèm theo hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p> <p>5. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:</p> <p>a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện (kèm theo tờ trình và hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã);</p> <p>b) Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.</p> <p>6. Căn cứ hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét ban hành Nghị quyết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.</p>	

STT	Nội dung tại Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh	Quyết định mới của Ủy ban nhân dân tỉnh (thay thế quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh)	Ghi chú
8	<p><b>Điều 7. Quy trình và hồ sơ nhập, chia, giải thể và đặt tên, đổi tên, xóa tên thôn, khu phố</b></p> <p>Quy trình và hồ sơ nhập, chia, giải thể và đặt tên, đổi tên, xóa tên thôn, khu phố được thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 09/2017/TT-BNV ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.</p>	<p><b>Điều 8. Quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể và đặt tên, đổi tên thôn, khu phố</b></p> <p>Quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể và đặt tên, đổi tên thôn, khu phố được thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ.</p>	Sửa đổi cho phù hợp với Thông tư số 14/2018/TT-BNV
9	<p><b>Điều 8. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có</b></p> <p>1. Đối với trường hợp ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có theo quy định tại Khoản 5 Điều 2 Quy định này thì sau khi có Quyết định về chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có.</p> <p>Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:</p> <p>a) Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có.</p> <p>b) Vị trí địa lý, ranh giới của thôn, khu phố sau khi ghép (bản đồ thể hiện vị trí địa lý; tỷ lệ 1/500).</p> <p>c) Dân số (số hộ, số nhân khẩu) của thôn, khu phố sau khi ghép.</p> <p>d) Diện tích tự nhiên của thôn, khu phố sau khi ghép (đối với thôn phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất), đơn vị tính là hecta.</p> <p>đ) Đề xuất, Kiến nghị.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư (bao gồm cụm dân cư thôn, khu phố hiện có) về Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.</p>	<p><b>Điều 9. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có</b></p> <p>1. Đối với trường hợp ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 Quy định này thì sau khi có Quyết định về chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có.</p> <p>Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:</p> <p>a) Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có.</p> <p>b) Dân số (số hộ, số nhân khẩu) của thôn, khu phố sau khi ghép.</p> <p>c) Đề xuất, Kiến nghị.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư (bao gồm cụm dân cư thôn, khu phố hiện có) về Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.</p> <p>3. Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có, nếu có được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất; trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị</p>	Sửa đổi cho phù hợp với Thông tư số 14/2018/TT-BNV

STT	Nội dung tại Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh	Quyết định mới của Ủy ban nhân dân tỉnh (thay thế quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh)	Ghi chú
	<p>3. Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có, nếu có được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất; trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p> <p>Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50 % số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.</p> <p>4. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm:</p> <p>a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;</p> <p>b) Hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này.</p> <p>5. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, thông qua và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có.</p>	<p>quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p> <p>Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50 % số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.</p> <p>4. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm:</p> <p>a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;</p> <p>b) Hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này.</p> <p>5. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, thông qua và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có.</p>	
10	<p><b>Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn và Trưởng khu phố</b></p> <p>Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn và Trưởng khu phố</p>	<p><b>Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn và Trưởng khu phố</b></p> <p>Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn và Trưởng khu phố</p>	Sửa đổi cho phù hợp với Thông tư số 14/2018/TT-



STT	Nội dung tại Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh	Quyết định mới của Ủy ban nhân dân tỉnh (thay thế quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh)	Ghi chú
	được thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 09/2017/TT-BNV ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.	được thực hiện theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ.	BNV
11	<p><b>Điều 10. Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố</b></p> <p>Những tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Trưởng khu phố; Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố được thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.</p>	<p><b>Điều 11. Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố</b></p> <p>Những tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Trưởng khu phố; Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố được thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ.</p>	Sửa đổi cho phù hợp với Thông tư số 14/2018/TT-BNV
12	<p><b>Điều 11. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố; Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố</b></p> <p>1. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố; được thực hiện theo quy định tại Chương II Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.</p> <p>Nhiệm kỳ của Trưởng thôn và Trưởng khu phố có nhiệm kỳ là hai năm rưỡi. Trường hợp thành lập thôn mới, khu phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Trưởng khu phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, khu phố cho đến khi cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, khu phố bầu được Trưởng thôn mới, Trưởng khu phố mới trong thời hạn không quá sáu tháng kể từ ngày có quyết định cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố lâm thời.</p> <p>2. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố được thực hiện như đối với Trưởng thôn, Trưởng khu phố.</p> <p>3. Căn cứ kết quả bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết</p>	<p><b>Điều 12. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố</b></p> <p>1. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố; được thực hiện theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn và Trưởng khu phố có nhiệm kỳ là 2,5 năm (hai năm rưỡi).</p>	Sửa đổi cho phù hợp với Thông tư số 14/2018/TT-BNV

STT	Nội dung tại Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh	Quyết định mới của Ủy ban nhân dân tỉnh (thay thế quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh)	Ghi chú
	định công nhận Trưởng thôn, Trưởng khu phố; Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố.		
13	<p><b>Điều 12. Quy trình, thủ tục bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố thành cuộc bầu cử riêng</b></p> <p>1. Công tác chuẩn bị:</p> <p>a) Chậm nhất 20 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công bố ngày bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố; Chủ trì phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử.</p> <p>b) Chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử, Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, khu phố tổ chức hội nghị Ban công tác dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố; báo cáo với Chi ủy chi bộ thôn, khu phố để thống nhất danh sách người ra ứng cử (ít nhất là 02 người).</p> <p>c) Chậm nhất là 10 ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập Tổ bầu cử (gồm Tổ trưởng là Trưởng ban công tác mặt trận thôn, khu phố; thư ký và các thành viên khác là đại diện một số tổ chức đoàn thể, chính trị- xã hội và đại diện cử tri thôn, khu phố); quyết định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử, quyết định thành phần cử tri (là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) tham gia bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố. Các quyết định này phải được thông báo đến Nhân dân ở thôn, khu phố chậm nhất 07 ngày trước ngày bầu cử.</p> <p>2. Toàn thể cử tri hoặc chủ hộ hay cử tri đại diện hộ tham gia bầu trực tiếp Trưởng thôn, Trưởng khu phố theo hình thức bỏ phiếu kín:</p> <p>Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với các</p>	<p><b>Điều 13. Hình thức bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố thành cuộc bầu cử riêng</b></p> <p>1. Công tác chuẩn bị:</p> <p>a) Chậm nhất 20 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công bố ngày bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố; Chủ trì phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử.</p> <p>b) Chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử, Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, khu phố tổ chức hội nghị Ban công tác dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố; báo cáo với Chi ủy chi bộ thôn, khu phố để thống nhất danh sách người ra ứng cử (ít nhất là 02 người).</p> <p>c) Chậm nhất là 10 ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập Tổ bầu cử (gồm Tổ trưởng là Trưởng ban công tác mặt trận thôn, khu phố; thư ký và các thành viên khác là đại diện một số tổ chức đoàn thể, chính trị- xã hội và đại diện cử tri thôn, khu phố); quyết định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử, quyết định thành phần cử tri (là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) tham gia bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố. Các quyết định này phải được thông báo đến nhân dân ở thôn, khu phố chậm nhất 07 ngày trước ngày bầu cử.</p> <p>2. Toàn thể cử tri hoặc chủ hộ hay cử tri đại diện hộ tham gia bầu trực tiếp Trưởng thôn, Trưởng khu phố theo hình thức bỏ phiếu kín:</p> <p>Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm phối hợp với các ngành</p>	Cơ bản giữ nguyên

STT	Nội dung tại Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh	Quyết định mới của Ủy ban nhân dân tỉnh (thay thế quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh)	Ghi chú
	<p>ngành chức năng chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ và giúp đỡ tổ chức bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố.</p> <p>3. Tổ bầu cử:</p> <p>a) Thành lập tổ bầu cử: Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập.</p> <p>Tổ bầu cử không quá 7 thành viên do Trưởng ban Công tác Mặt trận làm tổ trưởng. Các thành viên khác đại diện của tổ chức Đảng và một số đoàn thể như Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân, và Cựu chiến binh của thôn, khu phố.</p> <p>b) Nhiệm vụ của Tổ bầu cử:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập và niêm yết danh sách cử tri tham gia bầu cử, danh sách ứng cử viên chậm nhất là 07 ngày trước ngày tổ chức bầu cử;</li> <li>- Nhận tài liệu và phiếu bầu (có đóng dấu của UBND cấp xã theo quy định) từ Ủy ban nhân dân cấp xã để phát cho cử tri trong ngày bầu cử; chuẩn bị hòm phiếu;</li> <li>- Thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, danh sách ứng cử viên, thời gian bỏ phiếu trong thời hạn 05 ngày trước ngày bầu cử;</li> <li>- Bố trí, trang trí phòng bỏ phiếu;</li> <li>- Tổ chức ngày bầu cử theo đúng nội quy của phòng bỏ phiếu;</li> <li>- Xét giải quyết những khiếu nại về bầu cử;</li> <li>- Kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu</li> <li>- Công bố kết quả bầu cử;</li> <li>- Báo cáo kết quả bầu cử, chuyển giao biên bản kiểm phiếu, phiếu bầu và các tài liệu liên quan đến việc bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố lên Ủy ban nhân dân, Ủy ban Tổ quốc Mặt trận cấp xã;</li> </ul>	<p>chức năng chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ và giúp đỡ tổ chức bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố.</p> <p>3. Tổ bầu cử:</p> <p>a) Thành lập tổ bầu cử: Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập.</p> <p>Tổ bầu cử không quá 7 thành viên do Trưởng ban Công tác Mặt trận làm tổ trưởng. Các thành viên khác đại diện của tổ chức Đảng và một số đoàn thể như Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân, và Cựu chiến binh của thôn, khu phố.</p> <p>b) Nhiệm vụ của Tổ bầu cử:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập và niêm yết danh sách cử tri tham gia bầu cử, danh sách ứng cử viên chậm nhất là 07 ngày trước ngày tổ chức bầu cử;</li> <li>- Nhận tài liệu và phiếu bầu (có đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định) từ Ủy ban nhân dân cấp xã để phát cho cử tri trong ngày bầu cử; chuẩn bị hòm phiếu;</li> <li>- Thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, danh sách ứng cử viên, thời gian bỏ phiếu trong thời hạn 05 ngày trước ngày bầu cử;</li> <li>- Bố trí, trang trí phòng bỏ phiếu;</li> <li>- Tổ chức ngày bầu cử theo đúng nội quy của phòng bỏ phiếu;</li> <li>- Xét giải quyết những khiếu nại về bầu cử;</li> <li>- Kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu</li> <li>- Công bố kết quả bầu cử;</li> <li>- Báo cáo kết quả bầu cử, chuyển giao biên bản kiểm phiếu, phiếu bầu và các tài liệu liên quan đến việc bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố lên Ủy ban nhân dân, Ủy ban Tổ quốc Mặt trận cấp xã;</li> </ul>	

STT	Nội dung tại Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh	Quyết định mới của Ủy ban nhân dân tỉnh (thay thế quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh)	Ghi chú
	<p>Tổ bầu cử hết nhiệm vụ khi đã công bố kết quả bầu cử cho Nhân dân biết và trình đầy đủ các thủ tục liên quan đến công tác bầu cử lên Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>4. Kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử:</p> <p>a) Việc kiểm phiếu phải được tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay khi cuộc bỏ phiếu kết thúc.</p> <p>b) Trước khi mở hòm phiếu tổ bầu cử phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu bầu còn lại không sử dụng và mời 02 cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại đó để chứng kiến việc kiểm phiếu;</p> <p>c) Tổ trưởng Tổ bầu cử công bố kết quả bầu cho từng người và người trúng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố. Người trúng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố là người có số phiếu bầu hợp lệ cao nhất và trên 50% số cử tri tham gia bầu cử. Kết quả chỉ có giá trị khi có ít nhất 50% số cử tri trong danh sách tham gia bỏ phiếu;</p> <p>5. Căn cứ biên bản kết quả kiểm phiếu và báo cáo kết quả hội nghị bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố; Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố;</p> <p>6. Kinh phí bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố; Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố do ngân sách cấp xã cấp bổ sung theo quy định.</p>	<p>Tổ bầu cử hết nhiệm vụ khi đã công bố kết quả bầu cử cho nhân dân biết và trình đầy đủ các thủ tục liên quan đến công tác bầu cử lên Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>4. Kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử:</p> <p>a) Việc kiểm phiếu phải được tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay khi cuộc bỏ phiếu kết thúc.</p> <p>b) Trước khi mở hòm phiếu tổ bầu cử phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu bầu còn lại không sử dụng và mời 02 cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại đó để chứng kiến việc kiểm phiếu;</p> <p>c) Tổ trưởng Tổ bầu cử công bố kết quả bầu cho từng người và người trúng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố. Người trúng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố là người có số phiếu bầu hợp lệ cao nhất và trên 50% số cử tri tham gia bầu cử. Kết quả chỉ có giá trị khi có ít nhất 50% số cử tri trong danh sách tham gia bỏ phiếu;</p> <p>5. Căn cứ biên bản kết quả kiểm phiếu và báo cáo kết quả hội nghị bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố; Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố;</p> <p>6. Kinh phí bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố do ngân sách cấp xã cấp theo quy định.</p>	
14	<p><b>Điều 13. Về chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố</b></p> <p>1. Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố được hưởng phụ cấp hàng tháng được quy định tại Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành quy định về số lượng, chức danh, mức phụ cấp, mức phụ cấp</p>	<p><b>Điều 14. Về chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố</b></p> <p>1. Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố được hưởng phụ cấp hàng tháng theo quy định hiện hành;</p> <p>2. Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức,</p>	Sửa đổi cho phù hợp với Thông tư số 14/2018/TT-BNV

STT	Nội dung tại Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh	Quyết định mới của Ủy ban nhân dân tỉnh (thay thế quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh)	Ghi chú
	<p>kiêm nhiệm chức danh đối với những người hoạt động không chuyên trách ở các xã, phường, thị trấn và thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;</p> <p>2. Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết; nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được Nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.</p>	<p>kỹ năng cần thiết; nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.</p>	
15	<p><b>Điều 14. Sở Nội vụ</b></p> <p>1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh: Thẩm định việc thành lập thôn mới, khu phố mới trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh việc thành lập thôn mới, khu phố mới;</p> <p>2. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: a) Quyết định thành lập thôn mới, khu phố mới sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; b) Quyết định kết quả phân loại thôn, khu phố để chính quyền cấp xã thống nhất thực hiện; c) Chỉ đạo việc thực hiện Thông tư số 09/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và Quy chế này.</p> <p>3. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 và Thông tư số 09/2017/TT-BNV ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quy chế này.</p>	<p><b>Điều 15. Sở Nội vụ</b></p> <p>1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh: Thẩm định việc thành lập thôn mới, khu phố mới trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh việc thành lập thôn mới, khu phố mới;</p> <p>2. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định kết quả phân loại thôn, khu phố để chính quyền cấp xã thống nhất thực hiện;</p> <p>3. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Thôn, Khu phố được ban hành tại Quyết định này.</p> <p>4. Hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ về quá trình thực hiện theo quy định hiện hành.</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với Thông tư số 14/2018/TT-BNV</p>

STT	Nội dung tại Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh	Quyết định mới của Ủy ban nhân dân tỉnh (thay thế quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh)	Ghi chú
	4. Hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ trưởng Bộ Nội vụ về quá trình thực hiện theo quy định hiện hành.		
16	<p><b>Điều 15. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện</b></p> <p>1. Quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có sau khi đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua;</p> <p>2. Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 và Thông tư số 09/2017/TT-BNV ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Quy chế tổ chức và hoạt động của Thôn, Khu phố được ban hành kèm theo Quyết định này.</p>	<p><b>Điều 16. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện</b></p> <p>1. Quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có sau khi đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua;</p> <p>2. Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Thôn, Khu phố được ban hành kèm theo Quyết định này.</p>	Sửa đổi cho phù hợp với Thông tư số 14/2018/TT-BNV
17	<p><b>Điều 16. Trách nhiệm của UBND cấp xã</b></p> <p>1. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Trưởng thôn, Trưởng khu phố; Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố.</p> <p>2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã</p> <p>a) Quyết định cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố lâm thời đối với các trường hợp quy định tại Điểm 3 Khoản 7 Điều 1 Thông tư số 09/2017/TT-BNV ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;</p> <p>b) Quản lý, chỉ đạo hoạt động của Trưởng thôn, Trưởng khu phố trên địa bàn theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BNV ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Quy chế tổ chức và hoạt động của Thôn, Khu phố được ban hành kèm theo Quyết định này.</p>	<p><b>Điều 17. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã</b></p> <p>Quản lý, chỉ đạo hoạt động của Trưởng thôn, Trưởng khu phố trên địa bàn bảo đảm theo quy định tại Quy chế về tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.</p>	Sửa đổi cho phù hợp với Thông tư số 14/2018/TT-BNV
18	<p><b>Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Quy chế</b></p> <p>Trong quá trình tổ chức thực hiện quy chế này, nếu có những vấn đề vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi bổ sung, đề nghị quý cơ quan, đơn vị báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để xem xét quyết định</p>	<p><b>Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Quy chế</b></p> <p>Trong quá trình tổ chức thực hiện quy chế này, nếu có những vấn đề vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi bổ sung, đề nghị quý cơ quan, đơn vị báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để xem xét quyết định</p>	Giữ nguyên

